

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
KHOÁ: 41- NIÊN KHOÁ: 2016-2020

(Kèm theo quyết định số:/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	NĂM SINH	DÂN TỘC	QUÊ QUÁN (HKTT)	TRỢ CẤP		CÁC LOẠI GIẤY TỜ XÁC MINH
						LOẠI 1	LOẠI 2	
1.	Phùng Thị Thảo	410254	21/06/1997	Nùng	Quốc Toản- Trà Lĩnh- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
2.	Triệu Thị Loan	410351	20/06/1997	Tày	Đào Ngạn- Hà Quảng- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
3.	Đặng Thùy Linh	410339	18/12/1998	Kinh	Hai Bà Trưng- Hà Nội		x	Đơn, HSBA, GXNKT, KS.sao
4.	Dương Văn Thuận	410436	02/12/1996	Tày	Yên Thổ- Bảo Lâm- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
5.	Sùng Văn Sòng	410452	20/06/1995	Giáy	Tát Ngà- Mèo Vạc- Hà Giang	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
6.	Lữ Văn Quang	410651	26/07/1997	Thái	Nậm Giải- Quế Phong- Nghệ An	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
7.	Hà ánh Nguyệt	410621	05/08/1997	Tày	Quang Trung- Trà Lĩnh- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
8.	Giàng A Vư	410653	02/03/1995	Mông	Lao Xả Pính- Tủa Chùa- Điện Biên	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
9.	Giàng Văn Tư	410754	23/04/1996	H'Mông	Thần Phàng- Xí Mần- Hà Giang	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
10.	Ma Thị Mơ	410854	28/06/1997	Tày	Năng Khả- Na Hang- Tuyên Quang	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
11.	Nguyễn Kim Phương	410853	27/02/1997	Tày	Kiến Thiết- Yên Sơn- Tuyên Quang	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
12.	Bùi Hải Yến	410824	15/02/1998	Tày	Bằng Lũng- Chợ Đồn- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
13.	Hoàng Thị Vân	410852	19/02/1997	Tày	Phong Nậm- Trùng Khánh- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
14.	Bế Phương Diễm	410914	20/07/1998	Tày	Minh Khai- Thạch An- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
15.	Hoàng Thị Hợi	410937	28/07/1997	Nùng	Quốc Dân- Quảng Uyên- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
16.	Lãnh Thị Tuyến	410950	20/04/1997	Tày	Dân Chủ- Hòa An- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
17.	Nông Mạnh Quang	411005	16/02/1998	Tày	Vân An- Chi Lăng- Lạng Sơn	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
18.	Phùng Thị Oanh	411151	24/04/1997	Nùng	Quốc Toản- Trà Lĩnh- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
19.	Hoàng Thị Ngân	411249	06/07/1997	Tày	Lương Can- Thông Nông- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao
20.	Hoàng Trung Kiên	411229	21/09/1997	Tày	Hoa Thám- Bình Gia- Lạng Sơn	x		Đơn, GCNDTV, KS.sao, HK.sao

21.	Chu Thúy Lan	411226	10/03/1998	Dao	Hoa Thám- Nguyên Bình- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
22.	Sầm Thị Nhân	411330	26/08/1997	Tày	Linh Hồ- Vị Xuyên- Hà Giang	X		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
23.	Trần Viết Huỳnh	411513	03/06/1998	Kinh	Làng trẻ em Birla		x	Đơn, GCNCLTE,KS.sao, HK.sao
24.	Lò Thị Huế	411613	20/02/1998	Nùng	Nấm Lư- Mường Khương- Lào cai	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
25.	Triệu Thị Viên	411655	07/03/1997	Nùng	Tràng Phái – Văn Quan- Lạng Sơn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
26.	Dương Thị Dung	411726	20/01/1998	Dao	Minh An- Văn Chấn- Yên Bái	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
27.	Phạm Phương Anh	411836	22/12/1998	Kinh	Bắc Cường- Lào Cai		x	Đơn, GXCMC, KS.sao, GCT
28.	Hứa Thị Kiều	411953	22/02/1997	Tày	Minh Long- Hạ Lang- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
29.	Mã Thị Hương Diễm	412121	22/01/1998	Tày	Thượng Quan- Ngân Sơn- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
30.	Mùi Thị Duyên Đào	412130	09/11/1998	Mường	Chim Vàn- Bắc Yên- Sơn La	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
31.	Bế Thị Huế	412151	21/02/1997	Tày	Quảng Khê- Ba Bể- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
32.	Cà Thị Phần	412119	03/04/1998	Thái	Chiềng Lao- Mường La- Sơn La	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
33.	Nguyễn Thị Anh Thư	412153	31/07/1997	Tày	Lăng Can- Lâm Bình- Tuyên Quang	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
34.	Nông Thu Huyền	412218	20/12/1998	Nùng	Kim Đồng- Thạch An- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
35.	Hoàng Thị Sinh	412219	07/06/1998	Sán Chỉ	Bộc Bố- Pác Nặm- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
36.	Phạm Hồng Nhung	412453	15/10/1997	Tày	Hà Hiệu- Ba Bể- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
37.	Hà Dương Thu	412514	25/05/1998	Tày	Bằng Lũng- Chợ Đồn- Bắc Kạn	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
38.	Hoàng Thị Lam	412548	23/08/1997	Tày	Đức Xuân- Thạch An- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
39.	La Thị Lâm	412633	01/09/1998	Tày	Lục Hồn- Bình Liêu- Quảng Ninh	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
40.	Phạm Thị Hiện	412602	12/06/1998	Mường	Giao Thiện- Lạng Chánh- Thanh Hóa	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
41.	Cà Thị Hà My	412639	08/08/1998	Thái	Chiềng Cọ-Sơn La	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
42.	Hoàng Thị Duyên	412637	12/09/1997	Thái	Chiềng Ban- Mai Sơn- Sơn La	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao
43.	Nông Hoàng Như	412860	04/05/1997	Tày	NgọcCôn- Trùng Khánh- Cao Bằng	x		Đơn, GCNDTVC, KS.sao, HK.sao

HIỆU TRƯỞNG

Lê Tiến Châu